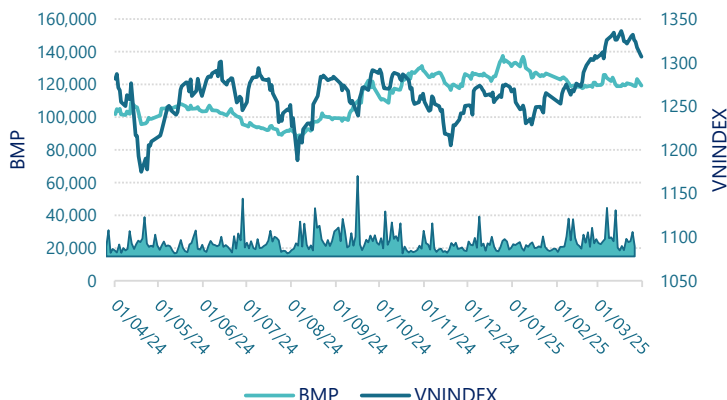


CTCP Nhựa Bình Minh (HSX: BMP)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/03/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	119,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	137,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	87,058
SL cổ phiếu LH	81,860,938
KLGD BQ 20 phiên (CP)	210,810
% sở hữu nước ngoài	85.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	9,766
P/E	9.0
EPS	13,288

DT thuần

Q1/25

1,383

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 330 | 31.3%

YoY: ▲ 380 | 37.9%

LN sau thuế

Q1/25

287

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 56.0 | 24.2%

YoY: ▲ 97.0 | 51.0%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

26.9%

+/- YoY: ▲ 1.5%

DT thuần

2024

4,616

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 541 | -10.5%

LN sau thuế

2024

991

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 50.0 | -4.8%

ROE

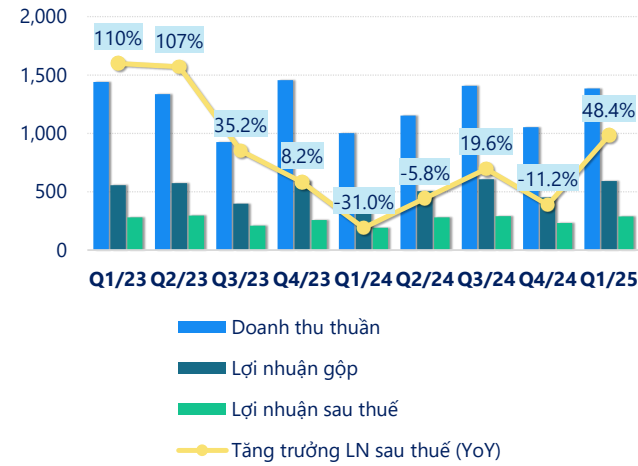
2024

36.8%

+/- YoY: ▼ 2.4%

tỷ VNĐ

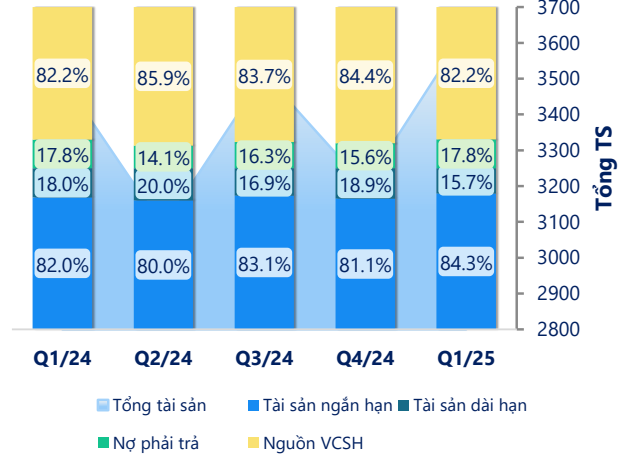
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

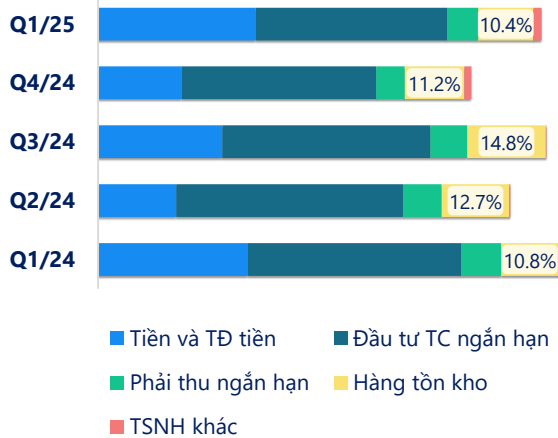
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



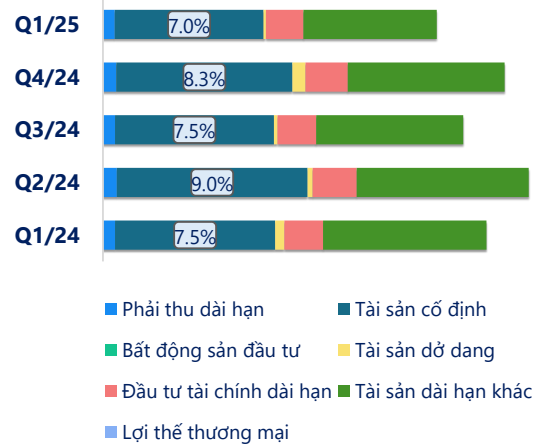
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

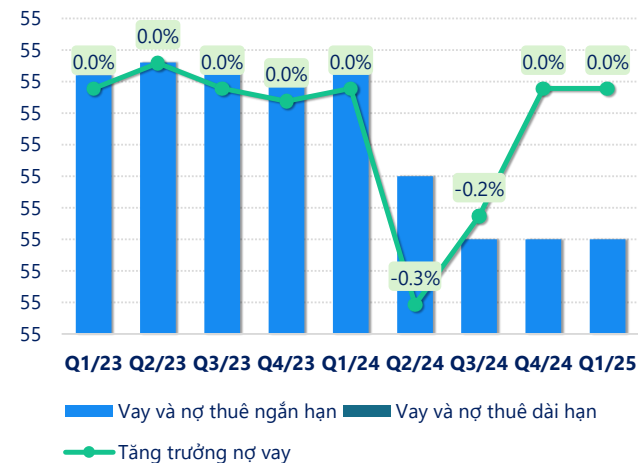
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

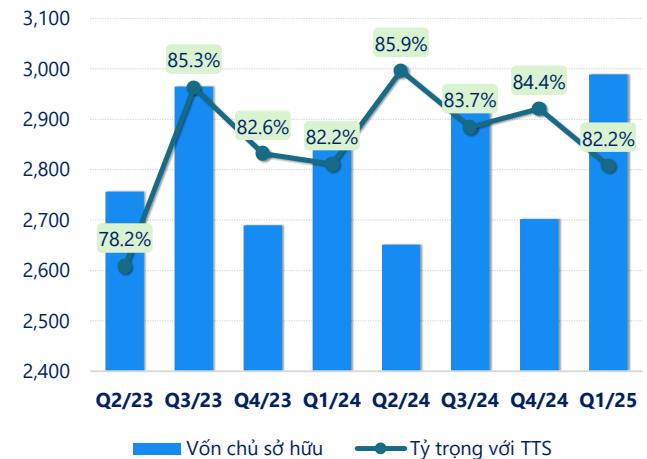
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

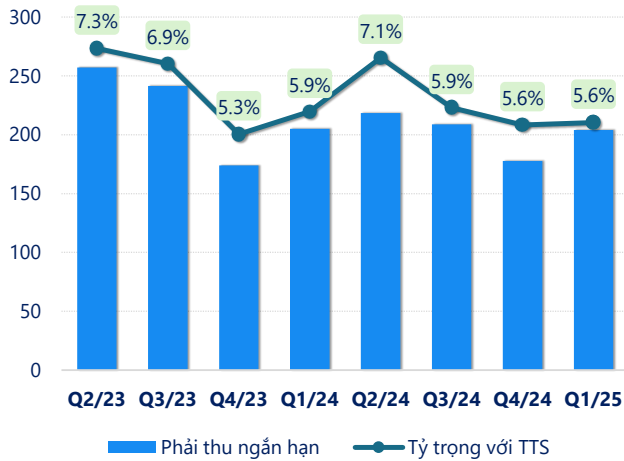
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



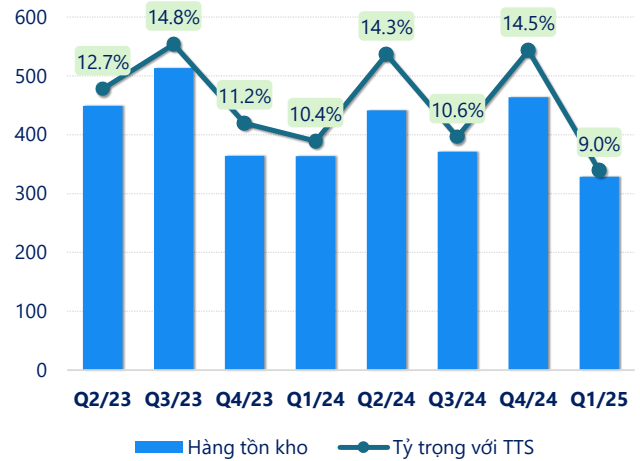
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


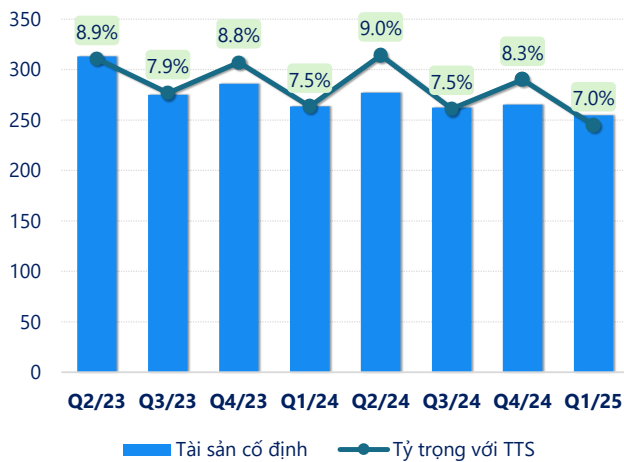
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


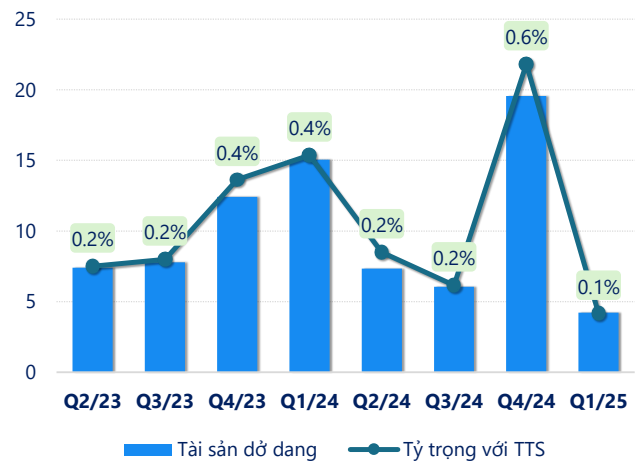
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

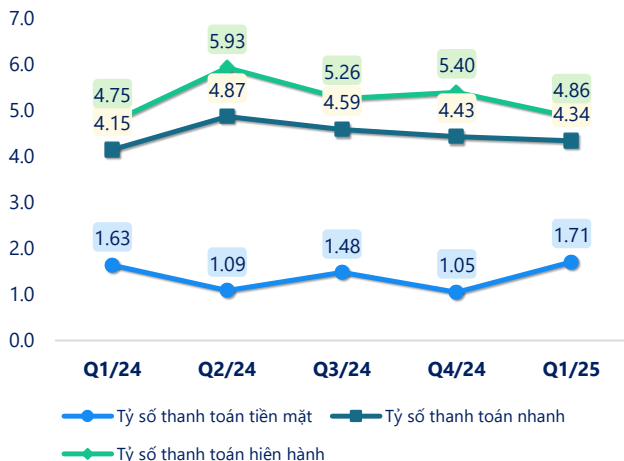
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

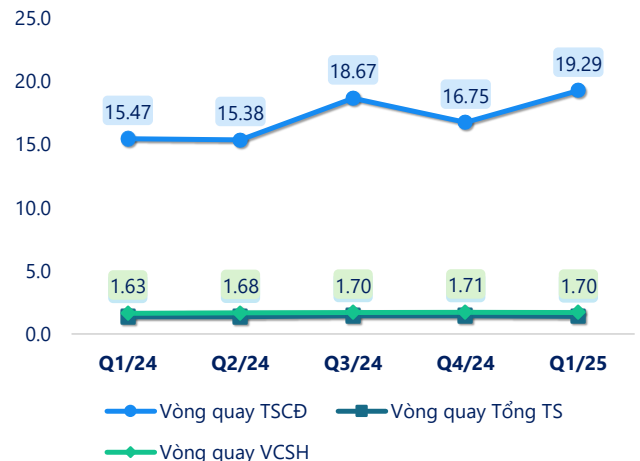
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	3,502	3,085	3,514	3,200	3,637
Tài sản ngắn hạn	2,870	2,467	2,918	2,596	3,066
Tiền và tương đương tiền	988	453	821	504	1,078
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,260	1,300	1,470	1,410	1,396
Phải thu ngắn hạn	205	218	209	178	204
Hàng tồn kho	364	442	371	464	329
Tài sản ngắn hạn khác	54.1	54.8	47.1	40.6	59.1
Tài sản dài hạn	632	618	595	604	571
Phải thu dài hạn	20.0	20.0	20.0	20.0	20.0
Tài sản cố định	264	277	262	265	255
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	15.1	7.35	6.06	19.6	4.23
Đầu tư tài chính dài hạn	64.0	63.9	64.0	63.8	63.9
Tài sản dài hạn khác	269	250	243	236	228
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	622	434	573	499	649
Nợ ngắn hạn	604	416	555	481	631
Vay và nợ thuê ngắn hạn	55.2	55.0	54.9	54.9	54.9
Phải trả người bán ngắn hạn	138	98.4	130	172	190
Nợ dài hạn	18.3	18.1	17.9	17.8	17.7
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,880	2,651	2,941	2,702	2,989
Vốn chủ sở hữu	2,880	2,651	2,941	2,702	2,989
Vốn điều lệ	819	819	819	819	819
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)